

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ và Chương trình hành động số 58-CTr/TU ngày 09/4/2024 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ và Chương trình hành động số 58-CTr/TU ngày 09/4/2024 của Tỉnh ủy Bình Phước thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (viết tắt Nghị quyết số 68/NQ-CP; Chương trình hành động số 58-CTr/TU);

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 17/6/2024,

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm quán triệt và triển khai kịp thời có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được đề ra trong Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ; Chương trình hành động số 58-CTr/TU ngày 09/4/2024 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện phải bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Nghị quyết số 42-NQ/TW; Nghị quyết số 68/NQ-CP; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI; các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XI và Chương trình hành động số 58-CTr/TU ngày 09/4/2024 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành và địa phương trong việc tổ chức triển khai thực hiện các đề án, cơ chế chính sách xã hội của Trung ương đề ra; cụ thể hóa thành các kế hoạch, đề án, chương trình để thực hiện

đầy đủ, toàn diện và đồng bộ các nội dung của Nghị quyết số 68/NQ-CP và Chương trình hành động số 58-CTr/TU. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát; bổ sung, cập nhật những chủ trương, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp mới, hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện để đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Tập trung triển khai thực hiện cơ chế, chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tạo cơ hội cho nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, tiếp cận thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững để phấn đấu đến năm 2025, Bình Phước trở thành tỉnh công nghiệp, thuộc nhóm các tỉnh phát triển nhanh và bền vững, có quy mô kinh tế khá trong vùng Đông Nam bộ. Đến năm 2030, Bình Phước trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, là “điểm đến hấp dẫn” của vùng Đông Nam bộ.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và năm 2030 (Theo Phụ lục đính kèm)

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Bình Phước là tỉnh có hệ thống chính sách xã hội phát triển toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân; góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng, phát triển con người Bình Phước đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

a) Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, cơ sở truyền thông cấp huyện và hệ thống thông tin cơ sở tập trung tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới cho cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý và Nhân dân, nhất là người đứng đầu. Khẳng định quyết tâm xây dựng và thực hiện chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh theo hướng bền vững; dựa trên quyền con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể; phát huy những giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc và truyền thống, bản sắc văn hóa con người Bình Phước theo tinh thần Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 20/11/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, tạo động lực góp phần phát triển

kinh tế - xã hội của tỉnh. Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Thông tin và Truyền thông.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành tỉnh; các cơ quan báo chí tại tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ sở truyền thông cấp huyện; hệ thống thông tin cơ sở.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

b) Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội; tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

a) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về chính sách xã hội bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách xã hội phù hợp với tình hình của tỉnh. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hoá trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận chính sách xã hội. Kiện toàn, bố trí sắp xếp, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xã hội trên địa bàn tỉnh. Kiện toàn, nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của Ban Công tác Người cao tuổi, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các cấp; các tổ chức đại diện cho người khuyết tật, trẻ em và quan hệ lao động. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức; cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến thực hiện chính sách xã hội.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

b) Hiện đại hoá công tác quản lý nhà nước; đẩy mạnh chuyển đổi số, số hoá quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách. Triển khai áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành liên

quan đến chính sách xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

c) Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội và hợp tác quốc tế; tăng cường xã hội hoá, hợp tác công - tư trong thực hiện chính sách xã hội. Bố trí nguồn lực tương xứng để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Chương trình hành động này.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công, nhất là người có công ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người có công gặp khó khăn trong cuộc sống; có chính sách ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe, nhà ở, giáo dục - đào tạo, việc làm, sản xuất và tạo thuận lợi cho người có công và thân nhân tiếp cận các dịch vụ xã hội. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho người có công và gia đình người có công có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Ban hành chính sách hỗ trợ cho Bà mẹ Việt Nam anh hùng để các mẹ được quan tâm, chăm sóc có cuộc sống tốt hơn.

Hoàn thành cơ bản việc giải quyết tồn đọng trong thực hiện chính sách người có công, nhất là tìm kiếm, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; tiếp tục ưu tiên bố trí kinh phí xây dựng, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh. Phát huy truyền thống đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", đẩy mạnh, khuyến khích tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tích cực tham gia các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" trên địa bàn tỉnh. Huy động nguồn lực đóng góp vào Quỹ "Đền ơn, đáp nghĩa" để chăm sóc tốt hơn cho người có công

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

a) Đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và phát triển theo hướng có quy mô, cơ cấu, phân bố hợp lý, cân bằng tỷ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên và duy trì mức sinh thay thế, nhất là đối với một số địa bàn và nhóm dân cư. Nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả thời kỳ dân số vàng; tham gia hoàn thiện khung chính sách quốc gia thích ứng với quá trình già hoá dân số; đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh và đất nước

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Y tế

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

b) Tạo bước đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo, trọng tâm là hiện đại hoá, đa dạng hoá phương thức giáo dục, đào tạo. Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục; đổi mới giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập quốc tế và khu vực, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động và tạo cơ hội học tập suốt đời. Tăng cường giáo dục định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Giáo dục và Đào tạo.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

c) Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động, nhất là ở khu vực miền núi; lao động ở nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đa dạng hoá chủ thể tham gia đào tạo, quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động; thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

d) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, đặc biệt là nhân lực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp phụ trợ chủ lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tích cực tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, quản trị công nghệ, quản trị doanh nghiệp. Đổi mới chính sách tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài phục vụ cho đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học - công nghệ trên địa bàn tỉnh

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

đ) Phát triển thị trường lao động của tỉnh theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiệu quả, đồng bộ với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tổ chức có hiệu quả các sàn giao dịch việc làm, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng, chống hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động như: tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động... Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Hiện đại hoá, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm. Tạo việc làm cho người lao động phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững nhằm giải phóng sức lao động, nâng cao tay nghề, thu nhập và bảo đảm an toàn tại nơi làm việc cho người lao động. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế của tỉnh, giảm lao động khu vực nông nghiệp, từng bước thu hẹp số lao động trong khu vực phi chính thức; tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hoá dân số. Mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống. Thúc đẩy thực hiện chính sách việc làm công, nhất là trong điều kiện nền kinh tế gặp khó khăn, người lao động mất việc làm, thiếu việc làm

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

5. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

a) Triển khai thực hiện hiệu quả Luật Bảo hiểm xã hội, Nghị Quyết, chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh; nghiên cứu, tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ thêm tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho các đối tượng tham gia ngoài mức ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định khi tình cân đối được nguồn ngân sách, tạo điều kiện cho nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức được tham gia bảo hiểm xã hội. Thực hiện hiệu lực, hiệu quả chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo hướng thực chất, nhanh, bền vững; giải quyết xử lý hiệu quả vấn đề trốn đóng, đóng không đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động và tình trạng nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp với số tiền lớn, thời gian dài; đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho người lao động hiểu rõ để hạn chế hưởng BHXH một lần; đảm bảo đầy đủ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp khi tham gia và thụ hưởng chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

b) Thực hiện giải quyết và chi trả kịp thời các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tự nguyện, đảm bảo tỷ lệ số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng theo chỉ tiêu đề ra. Thực hiện thu bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Bảo hiểm xã hội tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo

c) Tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; đa dạng các gói dịch vụ bảo hiểm y tế nhằm góp phần chăm sóc sức khỏe nhân dân, giảm chi phí người dân chi trả trực tiếp cho dịch vụ y tế.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Y tế.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

c) Quan tâm đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác. Mở rộng các nhóm đối tượng yếu thế có hoàn cảnh khó khăn khác trên địa bàn tỉnh để được hưởng trợ cấp xã hội ngoài quy định của Trung ương khi tình cân đối được ngân sách. Phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; xây dựng đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp từ cấp tỉnh đến cơ sở; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững. Đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp. Thực hiện quản lý, sử dụng Quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

d) Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản, giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh, phân đầu tối thiểu bằng mức trung bình chung cả nước; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đẩy mạnh phong trào “vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

a) Về giáo dục: Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh theo hướng mở, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và tạo cơ hội học tập suốt đời. Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hoá mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Cùng cố kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Ưu tiên phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh

tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu đông dân cư. Tăng cường giáo dục hoà nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Thúc đẩy chủ trương xã hội hoá, góp phần hỗ trợ khu vực công thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Giáo dục và Đào tạo.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

b) Về y tế: Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hội nhập, bảo đảm điều kiện tiếp cận và chăm sóc sức khỏe cho mọi người dân hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân. Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe tâm thần, chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em; khám sức khỏe định kỳ cho Nhân dân; quản lý các bệnh mạn tính đối với người cao tuổi. Thực hiện có hiệu quả chính sách dinh dưỡng, giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nâng cao tầm vóc, thể lực người Bình Phước, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế; phát triển y tế học đường, y học gia đình. Tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý, trong quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, bảo hiểm y tế.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Y tế.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

c) Về phát triển văn hoá: Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, di sản văn hoá dân tộc, văn hoá của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh hướng đến mục tiêu con người Bình Phước phát triển toàn diện chân, thiện, mỹ, văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần, là động lực cho sự phát triển xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng, đảm bảo sự phát triển bền vững của tỉnh. Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền, các giai tầng xã hội, đặc biệt là nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nơi tập trung đông người lao động... Bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với phát triển văn hoá, xây dựng nếp sống văn minh, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của Nhân dân.”

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

d) Về thông tin: Thực hiện chính sách pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng. Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, chuyển đổi hệ thống đài truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; thiết lập các cụm thông tin điện tử, dịch vụ thông tin công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền tại các vùng điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi thông qua đẩy mạnh lồng ghép trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các chương trình, dự án.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Thông tin và Truyền thông.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

đ) Về nhà ở: Nêu cao tinh thần trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cơ sở trong việc thực hiện chủ trương của Đảng và Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm cho người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng và an toàn, có sự chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước, xã hội và người dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thu nhập. Xây dựng chính sách ưu đãi phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của tỉnh để thu hút các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các dự án nhà ở xã hội, đặc biệt là các dự án nhà ở xã hội dành cho công nhân ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà lưu trú, ký túc xá cho công nhân, người lao động, học sinh, sinh viên. Có chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội cho một số đối tượng khó khăn khác; phối hợp với các tổ chức tín dụng để hỗ trợ cho hộ nghèo khu vực nông thôn được vay vốn ưu đãi nhằm cải thiện nhà ở và nâng cao điều kiện an toàn về chỗ ở cho người dân sinh sống tại khu vực thường xuyên bị thiên tai, bão lũ gây ra. Đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển nhà ở, tăng cường các biện pháp thu hút các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Xây dựng.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

e) Về nước sạch, vệ sinh môi trường: Bảo đảm nhu cầu thiết yếu về nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn cho người dân, nhất là người dân ở khu vực nông

thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường các khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân. Lòng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội; giải quyết triệt để ô nhiễm do nước thải, rác thải, khí thải; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ ô nhiễm môi trường, nhất là vấn đề rác thải, khí thải, nước thải tại các Khu công nghiệp, đô thị, khu vực nông thôn, miền núi. Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát, quản lý hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh; phân công, phân cấp trách nhiệm, ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn của tỉnh và UBND cấp huyện trong công tác quản lý, giám sát hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là công nhân, người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết về pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp. Nâng cao chất lượng hoạt động của các dịch vụ xã hội về việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội đang quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng; trẻ em mồ côi, người cao tuổi cô đơn, người khuyết tật không nơi nương tựa trên địa bàn tỉnh. Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em. Khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ xã hội; tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt cho đối tượng người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

8. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

a) Huy động, bố trí và sử dụng hợp pháp, hiệu quả các nguồn lực phục vụ chính sách xã hội, gồm vốn từ nguồn ngân sách nhà nước (*vốn đầu tư công và vốn sự nghiệp*) và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế hỗ trợ cho chính sách xã hội. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có sức cạnh tranh trong khu vực và cả nước, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động, tiêu chuẩn nghề nghiệp tương thích và cạnh tranh quốc tế.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

b) Triển khai Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống cho người dân, nhất là người dân ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao năng suất lao động, hướng tới việc làm bền vững.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Khoa học và Công nghệ.

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

c) Khuyến khích nguồn lực quốc tế hỗ trợ, đầu tư phát triển các dịch vụ xã hội, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

- *Cơ quan chủ trì tham mưu:* Sở Kế hoạch và Đầu tư

- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2024 và các năm tiếp theo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình hành động số 58-CTr/TU và Kế hoạch này, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Kế hoạch thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện.

2. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách và các nguồn hợp pháp khác theo quy định

3. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thường xuyên theo dõi, tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình hành động số 58-CTr/TU và Kế hoạch này tại các đơn vị, địa phương; kịp thời tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện cho cấp có thẩm quyền theo quy định.

4. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị; UBND các huyện, thị xã, thành phố định kỳ hàng năm (trước ngày 30/10) gửi báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết 42-NQ/TW, Nghị quyết số 68/NQ-CP và Chương trình 58-CTr/TU về UBND tỉnh (*thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội*) để theo dõi, tổng hợp.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh vướng mắc; các sở, ban ngành, đơn vị; UBND các huyện, thị xã, thành phố kịp thời báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội*) để xem xét, giải quyết.

(*Kèm theo phụ lục các chỉ tiêu chủ yếu trong Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Chương trình hành động số 58-CTr/TU*).

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB&XH;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-22).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

PHỤ LỤC**Các chỉ tiêu chủ yếu trong Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Chương trình hành động số 58-CTr/TU***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)*

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu phấn đấu thực hiện		Ghi chú	
			Phấn đấu đến năm 2025	Phấn đấu đến năm 2030	Chỉ tiêu nêu tại CTHĐ 58 của Tỉnh uỷ	Chỉ tiêu nêu tại NQ 68 của CP
I	Ưu đãi NCC với cách mạng					
1	Tỷ lệ người có công và gia đình có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú	%	100	100	x	x
II	Lao động, việc làm, phát triển thị trường lao động					
1	Tỷ lệ thất nghiệp chung	%	>3	>3		x
2	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	< 3	< 3	x	x
3	Tỷ lệ việc làm phi chính thức	%	60	40		x
4	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	45	40		x
5	Tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương	%	35	45		x
6	Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động có việc làm	%	40	50		x
III	Phát triển nguồn nhân lực					
1	Chỉ số HDI		-	Trong nhóm từ 25-30 các tỉnh	x	x
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo		70%	80%	x	x
	Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	28-30	40	x	x
3	Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin	%	40	65		x

4	Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp	%	35	40		x
5	Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp	%	30	40		x
IV	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế					
1	Tỷ lệ LLLĐ trong độ tuổi tham gia BHXH	%	45	60	x	x
2	Tỷ lệ nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện trong LLLĐ trong độ tuổi	%	2,5	5		x
3	Tỷ lệ người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội	%	55	60	x	x
4	Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia BHXH	%	85	90		x
5	Tỉ lệ LLLĐ trong độ tuổi tham gia BHTN	%	35	45	x	x
6	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	>95	> 95	x	x
7	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia BHYT	%	98	-		x
8	Hỗ trợ bảo hiểm y tế cho trẻ em	Bậc học	Tiểu học	THCS		x
9	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	80	>80		x
10	Tỷ lệ lao động là người khuyết tật có giấy xác nhận khuyết tật được hỗ trợ BHYT	%	60	100		x
11	Tỷ lệ người cao tuổi tham gia bảo hiểm y tế	%	99	100		x
V	Trợ giúp xã hội và giảm nghèo					
1	Tỷ lệ dân số được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng	%	1,92	2		x
2	Tỷ lệ đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời	%	100	100		x
3	Tỷ lệ hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	-	100	x	x
4	Tỷ lệ phụ nữ mang thai thuộc hộ	%	-	100	x	x

	nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội					
5	Tỷ lệ người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	100	100	x	x
6	Tỷ lệ người có hoàn cảnh khó khăn, người có thu nhập thấp được đảm bảo mức sống tối thiểu	%	100	100	x	x
7	Tỷ lệ hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	100	100	x	x
8	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp	%	100	100		x
9	Tỷ lệ người nghèo, người có công với cách mạng, đối tượng chính sách và người yếu thế thuộc diện người được trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	%	100	100		x
10	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều hàng năm	%/năm	0,3-0,4	<0,4	x	x
10.1	<i>Mức giảm các huyện nghèo</i>	%/năm	-	-		x
10.2	<i>Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số</i>	%/năm	>3	-		x
11	Tỷ lệ huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn	%	-	-		x
12	Mức tăng thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo so với năm 2021	Lần	2	-		x
13	Tỷ lệ người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong những dịch vụ hỗ trợ cơ bản	%	100	100		x
14	Tỷ lệ người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn	%	100	100		x
15	Tỷ lệ cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	%	70	100		x
16	Tỷ lệ đối tượng gặp khó khăn đột xuất do thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn, tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất	%	100	100		x

	khả kháng khác được trợ giúp kịp thời					
17	Tỷ lệ người dân có nhu cầu được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp	%	50	100		x
18	Tỷ lệ người cao tuổi có nhu cầu và khả năng lao động có việc làm, được đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp	%	50	70		x
19	Số người làm công tác xã hội/1000 dân	Người	≥ 1	≥ 2		x
VI	Giáo dục					
1	Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi	%	Hoàn thành	Hoàn thành	x	x
2	Tỷ lệ huy động trẻ em nhà trẻ	%	25	30		x
3	Tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo	%	90	95		x
4	Tỷ lệ trẻ em mầm non được học 2 buổi/ngày	%	100	100		x
5	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia		70,7	90	x	x
5.1	<i>Bậc mầm non</i>	%	79,6	80	x	
5.2	<i>Bậc tiểu học</i>	%	70,2	90	x	
5.3	<i>Bậc trung học cơ sở</i>	%	65,7	90	x	
4.4	<i>Bậc trung học phổ thông</i>	%	67,5	100	x	
6	Tỷ lệ đi học đúng tuổi (6 tuổi) cấp tiểu học	%	99,98	99,98	x	x
	<i>Trong đó, tỉ lệ đi học đúng tuổi cấp tiểu học</i>	%	99,6	99,75	x	x
7	Tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp trung học cơ sở	%	98,3	98,4	x	x
8	Tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp trung học phổ thông và tương đương	%	95,8	95,9	x	x
9	Tỷ lệ các huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	%	>80	> 90	x	x
10	Tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học	%	99,5	99,8		x
11	Tỷ lệ hoàn thành cấp trung học cơ sở	%	99,49	99,5		x
12	Tỷ lệ hoàn thành cấp trung học phổ thông	%	98,47	98,49		x
13	Tỷ lệ trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục	%	76,9	79,5		x
VII	Y tế					
1	Mức sinh thay thế	Mức độ	Duy trì	Duy trì	x	x

2	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	74,5	75	x	x
3	Số năm sống khỏe	Năm	67	68	x	x
4	Chỉ tiêu số lượng trên 10.000 dân					x
4.1	<i>Số giường bệnh</i>	Giường	32	34	x	x
4.2	<i>Số bác sỹ</i>	người	10	11	x	x
4.3	<i>Số dược sỹ</i>	người	3,4	4	x	x
4.4	<i>Số điều dưỡng viên</i>	người	16	25	x	x
5	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả	%	-	> 95	x	x
6	Tỷ lệ người dân được quản lý sức khỏe	%	>90	> 95	x	x
7	Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế	%	>80	-		x
8	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng với 14 loại vắc xin	%	95	95	x	x
9	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	<20	< 15	x	x
	<i>Trong đó, tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân</i>	%	<12	< 10	x	x
10	Chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét	Mức độ	-	Giải quyết cơ bản	x	x
11	Tỷ lệ người khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế	%	80	90		x
12	Tỷ lệ trẻ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện, can thiệp sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và can thiệp sớm các dạng khuyết tật	%	70	80		x
13	Tỉ lệ người cao tuổi được chăm sóc sức khỏe ban đầu kịp thời, khám sức khỏe định kỳ, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe	%	90	100		x
14	Tỷ lệ người cao tuổi khi ốm đau, dịch bệnh được khám chữa bệnh và được hưởng sự chăm sóc của gia đình và cộng đồng	%	100	100		x
VIII	Phát triển văn hóa và thông tin, truyền thông					

1	Tỷ lệ người dân được xem các kênh phát thanh, kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và địa phương					
1.1	<i>Vùng sâu, vùng xa, biên giới</i>	%	100	100	x	x
1.2	<i>Các vùng còn lại</i>	%	100	100	x	x
2	Tỷ lệ các chương trình thời sự và bản tin phát sóng truyền hình có ngôn ngữ ký hiệu	%	-	-		x
3	Tỷ lệ dân số được phủ sóng di động	%	100	100		x
4	Tỷ lệ xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hệ thống đài truyền thanh hoạt động	%	100	100		x
5	Tỷ lệ xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu	%	100	100		x
6	Tỷ lệ xã được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập	%	100	100		x
7	Tỷ lệ xã đạt chuẩn tiêu chí số về thông tin và truyền thông theo Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao	%	>60	100		x
IX	Nhà ở					
1	Xây dựng căn hộ nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp	Căn hộ	10.996	44.243	x	x
2	Xóa bỏ tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho các đối tượng	Mức độ	Giải quyết cơ bản	Xóa bỏ hoàn toàn	x	x
3	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m ² sàn/người	27,6	29	x	x
3.1	<i>Thành thị</i>	m ² sàn/người	30,2	31,3		x
3.2	<i>Nông thôn</i>	m ² sàn/người	25	26,7		x
4	Tỉ lệ nhà ở kiên cố	%	-	85-90		x
4.1	<i>Thành thị</i>	%	-	100		x
4.2	<i>Nông thôn</i>	%	-	75-80		x

5	Tỷ lệ nhà ở có hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước thải đồng bộ và được đấu nối vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực	%	-	90		x
X	Nước sạch, vệ sinh môi trường					
1	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn					
1.1	<i>Thành thị</i>	%	70	90	x	x
1.2	<i>Nông thôn</i>	%	-	80	x	x
2	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh					
1.1	<i>Thành thị</i>	%	85	-		x
1.2	<i>Nông thôn</i>	%	>95	-		x
3	Tỷ lệ hộ gia đình có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	-	100	x	x
4	Tỷ lệ trường học có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	-	100	x	x
5	Tỷ lệ trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	-	100	x	x
6	Tỷ lệ điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt	%	-	20	x	x
7	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý	%	5	10	x	x
8	Tỷ lệ hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi	%	-	75		x
XI	Nông thôn mới					
1	Huyện, thị xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	-	100	x	
2	Xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	-	100	x	
3	Số xã đạt nông thôn mới nâng cao	%	-	60	x	
4	Số xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu	%	-	30	x	

